TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NÁM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 155/2017/HNGĐ-PT
Ngày: 26/12/2017
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Ông Lại Vĩnh Trung

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hà, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Thắng – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 155/2017/TLPT-HNGĐ ngày 10/11/2017 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 34/2017/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 254/2017/QĐPT-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh K, sinh năm 1969;

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1973.

Cùng cư trú tại: số nhà 3, ngõ 192, tổ 13, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn và lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn – ông Nguyễn Minh K trình bày: ông và bà Nguyễn Thị C được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày18/02/1993 tại Ủy ban nhân dân xã Yên Hòa, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội, nay là Ủy ban nhân dân phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do tính cách trái ngược nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Từ năm 2001, ông và bà C đã sống ly thân cho đến nay. Giữa vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ, kinh tế riêng biệt. Nay ông thấy cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn bà C để ổn định cuộc sống riêng.

- Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 18/7/1993. Hiện cháu đã trên 18 tuổi, ở với ai là quyền của cháu, ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc xét giao con chung và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và công nợ: ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau ly hôn ông tự lo nơi ở.

Tại Bản tự khai và các văn bản tố tụng khác, bị đơn – bà Nguyễn Thị C trình bày: bà thống nhất với ông K về thời gian kết hôn và điều kiện kết hôn. Bà không đồng ý ly hôn vì xác định vợ chồng không có mâu thuẫn gì, từ năm 2001 đến nay ông K đi Cộng hòa Séc lao động xuất khẩu, bà ở nhà một mình nuôi dạy con và gánh vác công việc của gia đình nhà chồng. Trong suốt thời gian đi lao động ở Cộng hòa Séc, ông K mặc dù có về mấy lần nhưng không gửi tiền về nuôi con, một mình bà phải gánh vác việc nuôi dạy con, chăm sóc bố mẹ chồng và tu sửa nhà cửa. Nay ông K về nước và xin ly hôn với bà, bà không đồng ý. Trong thời gian ông K ở Séc có quan hệ ngoại tình và có con riêng với chị Lê Thị Mai ở phường Ngô Quyền, Hải Phòng. Bà không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án tạm đình chỉ giải quyết vụ án vì bà đang làm đơn đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm rõ hành vi cố tình làm trái pháp luật của ông K và chị Mai, vi phạm chế độ hôn nhân một vợ một chồng.

- Về con chung: Bà C xác định trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 18/7/1993. Hiện cháu đã trên 18 tuổi.

- Về tài sản chung và công nợ: Do không đồng ý ly hôn nên bà C không có ý kiến gì về vấn đề này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 34/2017/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội đã xử:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Minh K. Xử ông Nguyễn Minh K được ly hôn bà Nguyễn Thị C.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Minh K, bà Nguyễn Thị C thừa nhận có một con chung là cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 18/7/1993. Hiện cháu đã trên 18 tuổi, ở với ai là quyền của cháu, Tòa án không xét việc giao con chung và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ: Ông K tự nguyện không đề nghị Tòa án giải quyết. Giành quyền khởi kiện về tài sản và nợ cho bà Nguyễn Thị C nếu bà C có đơn yêu cầu trong một vụ án dân sự khác.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, với lý do bà cho rằng đơn tố cáo của bà gửi các cơ quan có thẩm quyền tố cáo về việc ông K vi phạm chế độ một vợ, một chồng chưa được cơ quan nào trả lời; Tòa án sơ thẩm không mở phiên tòa để xét xử vụ án nhưng lại có bản án. Bà đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, ông K giữ nguyên khởi kiện và các lời khai đã trình bày tại Tòa án; bà C giữ nguyên đơn kháng cáo, bà đồng ý ly hôn với điều kiện ông K phải cho bà và con chỗ ở tại địa chỉ hiện tại bà và con đang ở.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm về việc tuân thủ pháp luật của Tòa án, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật; về nội dung, đề nghị bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị C trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí kháng cáo nên là hợp lệ.

[2] Xét kháng cáo của bà C về việc bà cho rằng đơn tố cáo việc ông K vi phạm chế độ một vợ, một chồng chưa được cơ quan nào trả lời và Tòa án cấp sơ thẩm cố tình xét xử vụ án: Hồ sơ vụ án thể hiện tại các bút lục số 55, 57, 58, 78, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền như Thanh tra Công an thành phố Hà Nội, Cơ quan Cảnh sát điều tra quận Cầu Giấy, Viện Kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy có phiếu chuyển đơn và đã trả lời đơn tố cáo của bà C với nội dung *"...không có căn cứ xác định ông Nguyễn Minh K vi phạm chế độ hôn nhân một vợ một chồng..."*. Do đó kháng cáo của bà C về vấn đề này là không có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo của bà C về việc bà cho rằng Tòa án sơ thẩm không mở phiên tòa để xét xử vụ án nhưng lại có bản án: Tại "Biên bản phiên tòa" có thể hiện đầy đủ về việc Tòa án cấp sơ thẩm đã mở phiên tòa xét xử vụ án, có sự tham gia của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy (BL 99 đến 102). Do bà vắng mặt lần thứ hai nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử vụ án vắng mặt bà là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét kháng cáo của bà C về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Minh K và bà Nguyễn Thị C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày18/02/1993 tại Ủy ban nhân dân xã Yên Hòa, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội, nay là Ủy ban nhân dân phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ, chồng chủ yếu sống xa cách. Năm 2001 ông K đi lao động xuất khẩu tại Cộng Hòa Séc (trong đơn kháng cáo, bà C cho rằng ông K đi từ năm 1995) cho đến nay, vợ chồng không quan tâm, chia sẻ với nhau về tình cảm, kinh tế riêng biệt. Từ khi ông K về nước được một năm nay, hai vợ chồng không quan tâm đến nhau, mỗi người ở một nhà riêng biệt. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng ông K vẫn cương quyết ly hôn. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân

không đạt được. Tại phiên tòa cấp phúc thẩm, bà C cũng đã đồng ý ly hôn. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đơn ly hôn của ông K là có căn cứ.

[5] Về con chung: các bên đương sự xác nhận có 01 con chung đã trưởng thành nên Tòa án sơ thẩm không xét, giải quyết là đúng.

[6] Về tài sản chung và công nợ: nguyên đơn không đề nghị Tòa án giải quyết; phía bị đơn do không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến gì về vấn đề này nên Tòa án sơ thẩm không xét, giải quyết và giành quyền khởi kiện cho bà C bằng vụ án dân sự khác là đúng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị C, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Về án phí: do giữ nguyên án sơ thẩm nên bà Nguyễn Thị C phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và Điều 313 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị C. Giữ nguyên bản án số 34/2017/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Cụ thể như sau:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Minh K. Ông Nguyễn Minh K được ly hôn bà Nguyễn Thị C.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Minh K, bà Nguyễn Thị C xác nhận có một con chung là cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 18/7/1993. Hiện cháu đã trên 18 tuổi, ở với ai là quyền của cháu, Tòa án không xét việc giao con chung và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ: Ông K tự nguyện không đề nghị Tòa án giải quyết. Giành quyền khởi kiện về tài sản và nợ cho bà Nguyễn Thị C nếu bà C có đơn yêu cầu trong một vụ án dân sự khác.

4. Về án phí:

- Ông Nguyễn Minh K phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận ông K đã nộp số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy, Hà Nội, theo biên lai thu số AQ/2010/01467 ngày 10/5/2017. Nay chuyển thành án phí.

- Bà Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn phúc thẩm. Xác nhận bà C đã nộp số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy, Hà Nội, theo biên lai thu số AA/2015/05363 ngày 26/10/2017. Nay chuyển thành án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND TP. Hà Nội;
- Tòa án nhân dân Q.Cầu Giấy;
- Chi cục THA dân sự Q.Cầu Giấy;
- Đương sự;
- UBND phường Yên Hòa;
- Lưu HSVA, VP.

Nguyễn Thị Thanh Huyền